

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/KDTM-ST

Ngày: 10/9/2020.

V/v tranh chấp hợp đồng
thi công xây dựng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Phạm Thị Lựu

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Liên .

2. Ông Nguyễn Trung Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thiên Kim – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2020/TLST-KDTM ngày 24/02/2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 506/2020/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty D.

Địa chỉ: 35D đường 30/4 Phường 9, thành phố T, tỉnh B.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Sỹ H – Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1985

Địa chỉ: 427/3 Nguyễn An Ninh, Phường 9, thành phố T, tỉnh B (Giấy ủy quyền ngày 21/02/2020) (Có mặt).

Bị đơn: Công ty K.

Địa chỉ: Tầng 12, 12A, 14 và tầng 15 Tòa nhà G, xã K, huyện B, Thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Mạnh S – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Hồng P, sinh năm 1970

Địa chỉ: 14/43A Vi Ba, phường N, thành phố T, tỉnh B; Tạm trú: 21/28 đường số 17, phường C, quận Đ, thành phố H (Giấy ủy quyền số 119/UQ-KVN ngày 27/4/2020) (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 20 tháng 01 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ngày 27/3/2010, Công ty D (gọi tắt là Công ty D) và Công ty K (gọi tắt là Công ty K) có ký Hợp đồng thi công xây dựng số 48/2010/PVGAS/DAD-PVC-IC/D2 thi công Gói thầu số 3 thuộc dự án Cao ốc văn phòng Dragon Tower tại Phân khu số 8 – Khu dân cư Phú Long, đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó Công ty D là nhà thầu thi công, Công ty K là Chủ đầu tư.

Ngày 28/11/2011, Công ty D và Công ty K và đại diện tư vấn quản lý dự án ký Biên bản số 263/BB-KVN nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng. Theo đó, các bên thống nhất “*chấp thuận nghiệm thu toàn bộ công trình Cao ốc văn phòng Dragon Tower để đưa vào sử dụng*”.

Đến ngày 16/02/2015, các bên gồm Công ty D và Công ty K và đại diện đơn vị quản lý tòa nhà – POTS lập và ký Biên bản xác nhận hoàn thành công tác bảo hành Hợp đồng thi công xây dựng công trình Cao ốc văn phòng Dragon Tower (Gói thầu số 3) số 48/2010/PVGAS/DAD-PVC-IC/D2 ngày 27/03/2010. Tại Biên bản, các bên xác nhận “*Nhà thầu PVC-IC đã hoàn thành trách nhiệm bảo hành công trình thuộc phạm vi công việc của Hợp đồng thi công số 48/2010/PVGAS/DAD-PVC-IC/D2 ngày 27/03/2010*”.

Như vậy, đến ngày 16/02/2015 Công ty D đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng thi công số 48/2010/PVGAS/DAD-PVC-IC/D2 ngày 27/03/2010, bao gồm hoàn thành tất cả việc thi công, việc bảo hành công trình theo thỏa thuận.

Ngày 14/8/2015, các bên gồm Công ty D và Công ty K lập và ký Biên bản thanh lý Hợp đồng số 185/BB-KVN, theo đó các bên thống nhất:

- “*Bên B (PVC-IC) đã hoàn thành tất cả phạm vi công việc của hợp đồng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng và hoàn thành trách nhiệm bảo hành phù hợp với quy định của hợp đồng*”;

- “*Giá trị còn lại Bên A (PVGAS) phải thanh toán cho Bên B (PVC-IC): 9.035.898.810 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ, không trăm ba mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi tám nghìn, tám trăm mười đồng)*”.

- “*Bên A (PVGAS) sẽ thanh toán cho Bên B (PVC-IC) 100% giá trị quyết toán của Hợp đồng sau khi hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng này*”.

Như vậy, đến ngày 14/8/2015 các bên gồm Công ty D và Công ty K xác nhận Công ty K còn nợ và phải thanh toán cho Công ty D số tiền là 9.035.898.810 đồng ngay sau khi hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng. Tuy nhiên, kể từ ngày ký Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 14/8/2015 đến nay, mặc dù Công ty D đã

nhiều lần gửi Công văn và trực tiếp lên trụ sở Công ty K để đề nghị Công ty K thanh toán số tiền nợ còn lại là 9.035.898.810 đồng cho Công ty D, nhưng đến nay đã hơn 04 năm kể từ ngày ký Biên bản thanh lý hợp đồng và cam kết thanh toán nhưng Công ty K vẫn chưa thanh toán khoản nợ còn lại cho Công ty D.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông N xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau: Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Công ty K phải trả cho Công ty D số tiền nợ gốc là 9.035.898.810 đồng, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm trả theo hợp đồng thi công xây dựng số 48/2010/PVGAS/DAD-PVC-IC/D2 ngày 27/3/2010, biên bản thanh lý hợp đồng số 185/BB-KVN ngày 14/8/2015.

Tại bản văn bản ý kiến số 497/KVN-PC ngày 12/3/2020 bị đơn Công ty K trình bày:

Trong quá trình thực hiện đầu tư xây dựng công trình dự án Cao ốc văn phòng Dragon Tower (Công trình), Công ty K đã ký với Công ty D Hợp đồng số 48/2010/PVGAS/DAD-PVC-IC/D2 ngày 27/03/2010 về việc Thi công xây dựng công trình Cao ốc văn phòng Dragon Tower (sau đây gọi là “Hợp đồng số 48”) và Hợp đồng số 85/2010/PVGAS/DAD-PVC-IC/D2 ngày 07/05/2010 về việc Thi công, mua sắm và lắp đặt các hệ thống kỹ thuật (sau đây gọi là “Hợp đồng số 85”), trong đó quy định hai bên sẽ thanh lý sau khi Bên B hoàn thành công việc bảo hành. Công trình được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng tại Biên bản số 263/BB-KVN ngày 28/11/2011.

Ngay sau khi kết thúc thời gian bảo hành, Công ty K và Công ty D ký thanh lý Hợp đồng số 48 tại Biên bản số 185/BB-KVN ngày 14/08/2015; trong đó Công ty K còn phải thanh toán cho Công ty D là 9.035.898.810 đồng. Đối với Hợp đồng số 85, hai bên cũng đã ký biên bản số 337a/BB-KVN ngày 15/12/2016 xác nhận Công ty D đã hoàn thành công việc bảo hành và xử lý tồn đọng. Hai bên đang chuẩn bị ký Thanh lý Hợp đồng số 85. Tuy nhiên tại thời điểm này, Thanh tra Bộ Xây dựng có Quyết định số 512/QĐ-TTr ngày 29/12/2016 về việc Thanh tra Công ty K trong công tác quản lý đầu tư xây dựng công trình tại các dự án, trong đó có dự án Cao ốc văn phòng Dragon Tower.

Kết luận Thanh tra số 441/KL-TTr ngày 22/08/2017 của Chánh Thanh tra Bộ Xây dựng có nêu: “Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và PV GAS có trách nhiệm xử lý số tiền 11.234.518.000 đồng (Bằng chữ: Mười một tỷ, hai trăm ba mươi tư triệu, năm trăm mười tám nghìn đồng) do PV GAS và một số đơn vị thành viên không thực hiện theo chỉ đạo của Tập đoàn về việc giảm tiết kiệm đến giá trị quy định so với dự toán được duyệt đối với các gói thầu chỉ định thầu cho các đơn vị trong ngành. Kết quả báo cáo thanh tra Bộ Xây dựng bằng văn bản”. Trong đó, đối với Hợp đồng số 48 và Hợp đồng số 85 số tiền cần xử lý là 8.367.766.000 đồng, tương ứng với 2% giá trị dự toán được duyệt do trong quá trình đàm phán hợp đồng, PVC-IC chỉ thực hiện giảm giá đến 3%, chưa đạt mức 5% theo nội dung công văn số 3383/DKVN-XD ngày 14/5/2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi là “PVN”).

Ngay khi có Kết luận của Thanh tra Bộ Xây dựng, Công ty K đã có công văn số 2022/KVN-ĐTXD-TC ngày 12/9/2017 và công văn số 1111/KVN-HĐQT ngày 04/06/2019 báo cáo “PVN” xin ý kiến chỉ đạo để quyết toán và thanh lý hợp đồng với nhà thầu. Bên cạnh đó, Công ty K và Công ty D đã tổ chức cuộc họp tại Biên bản số 131A/BB-KVN ngày 20/03/2019 về việc ghi nhận giá trị chưa thanh toán của hai hợp đồng số 48 và số 85, hai bên thống nhất đối với Hợp đồng số 48: Công ty K còn phải trả 9.035.898.810 đồng và Hợp đồng số 85: Công ty K còn phải thu 2.622.298.192 đồng. Công ty D đề nghị căn trừ công nợ phải thu từ Hợp đồng số 85 vào công nợ phải trả từ Hợp đồng số 48. Như vậy công nợ Công ty K còn phải trả cho Công ty D là: 6.413.600.618 đồng. Tại Biên bản này, Công ty K cũng nêu Kết luận của Thanh tra Bộ xây dựng và đang chờ ý kiến chỉ đạo của “PVN” về việc giảm trừ số tiền 8.367.766.000 đồng của hai hợp đồng số 48 và số 85.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Hồ Hồng P – đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty K không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng các quy định của pháp luật. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng cho đương sự trong vụ án.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi số tiền nợ gốc là 9.035.898.810 đồng theo hợp đồng thi công xây dựng số 48/2010/PVGAS/DAD-PVC-IC/D2 ngày 27/3/2010, biên bản thanh lý hợp đồng số 185/BB-KVN ngày 14/8/2015 do có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật; đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi bị đơn thanh toán số tiền lãi chậm trả là 4.881.005.114 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kiện của Công ty D (Công ty D) khởi kiện Công ty K (Công ty K) yêu cầu trả số tiền chưa thanh toán của Hợp đồng thi công xây dựng số 48/2010/PVGAS/DAD-PVC-IC/D2 là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa hai công ty có đăng ký kinh doanh thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án. Việc đương sự tự thỏa thuận tại Hợp đồng chọn cơ quan giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là chọn lựa không chính xác, không đúng nên xét sự thỏa thuận này của đương sự là không phù hợp pháp luật. Bị đơn Công ty K có trụ sở hoạt động chính tại huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm

b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ biên bản thanh lý hợp đồng số 185/BB ngày 14/8/2015 các bên xác nhận số tiền bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn là 9.035.898.810 đồng nhưng bị đơn không thực hiện. Đến ngày 20/3/2019, các bên lập biên bản hợp số 131A BB/KVN, tại cuộc họp này bị đơn xác nhận lại số tiền chưa thanh toán của hợp đồng số 48/2010/PVGAS/DAD-PVC-IC/D2 ngày 27/3/2010 theo biên bản thanh lý hợp đồng số 185/BB ngày 14/8/2015. Ngày 03/02/2020 Công ty D khởi kiện Công ty K yêu cầu bị đơn trả số tiền chưa thanh toán của Hợp đồng thi công xây dựng số 48/2010/PVGAS/DAD-PVC-IC/D2 là đảm bảo thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự 2015.

Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét:

[3] Hợp đồng thi công xây dựng số 48/2010/PVGAS/DAD-PVC-IC/D2 ngày 27/3/2010 được ký kết và thực hiện giữa Công ty D và Công ty K, xét đây là hợp đồng có hình thức, nội dung không trái pháp luật và được các chủ thể có đăng ký kinh doanh ký kết bởi những người đại diện hợp pháp nên có giá trị pháp lý ràng buộc quyền, nghĩa vụ giữa các bên.

[4] Đối với yêu cầu của Công ty D về việc đòi số tiền xây dựng (nợ gốc) phát sinh từ Hợp đồng thi công xây dựng số 48/2010/PVGAS/DAD-PVC-IC/D2 ngày 27/3/2010 là 9.035.898.810 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ Hợp đồng thi công xây dựng số 48/2010/PVGAS/DAD-PVC-IC/D2 ngày 27/3/2010 thì Công ty D thực hiện việc thi công xây dựng công trình cho Công ty K được mô tả trong Phụ lục 5 (hồ sơ yêu cầu) của hợp đồng. Giá trị của hợp đồng là 334.105.597.906 đồng (đã bao gồm VAT), thời hạn hoàn thành công trình là ngày 30/9/2010. Phía nguyên đơn Công ty D đã tiến hành thực hiện hoàn thành công trình theo điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng, các bên tổ chức nghiệm thu công trình và đưa vào sử dụng theo biên bản số 263/BB-KVN ngày 28/11/2011; đồng thời Công ty D cũng đã hoàn thành trách nhiệm bảo hành công trình thuộc phạm vi công việc của hợp đồng thi công xây dựng theo biên bản ngày 16/02/2015. Đến ngày 14/8/2015, các bên thanh lý hợp đồng thi công theo biên bản số 185/BB-KVN, qua đó xác định phía Công ty K còn phải thanh toán số tiền là 9.035.898.810 đồng cho Công ty D.

[5] Phía bị đơn Công ty K xác nhận số tiền còn nợ Công ty D là 9.035.898.810 đồng. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng Công ty K chưa thực hiện đúng theo chỉ đạo của Tập đoàn dầu khí Việt Nam về việc giảm tiết kiệm đến giá trị quy định so với dự toán được duyệt đối với các gói thầu chỉ định thầu; đối với hợp đồng thi công số 48/2010/PVGAS/DAD-PVC-IC/D2 ngày 27/3/2010, Công ty K chỉ thực hiện giảm giá đến 3%, chưa đạt mức 5% theo công văn số 3383/DKVN – XD ngày 14/5/2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

[6] Tại Biên bản số 131A/BB-KVN ngày 20/03/2019 về việc ghi nhận giá trị chưa thanh toán của hai hợp đồng số 48/2010/PVGAS/DAD-PVC-IC/D2 ngày 27/3/2010 và số 85/2010/PVGAS/DAD-PVCIC/D2 ngày 07/5/2010, hai bên thống nhất đối với Hợp đồng số 48: Công ty K còn phải trả 9.035.898.810 đồng và Hợp

đồng số 85: Công ty K còn phải thu 2.622.298.192 đồng. Đồng thời, Công ty K đề nghị giảm trừ số tiền 8.367.766.000 đồng theo Kết luận của Thanh tra Xây dựng. Đây chỉ là thể hiện ý kiến phản đối của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn không có yêu cầu phản tố gì đối với nguyên đơn. Mặt khác, nguyên đơn khởi kiện bị đơn là tranh chấp đối với hợp đồng thi công xây dựng số 48/2010/PVGAS/DAD-PVC-IC/D2 ngày 27/3/2010, không tranh chấp đối với hợp đồng thi công xây dựng số 85/2010/PVGAS/DAD-PVCIC/D2 ngày 07/5/2010. Do đó, ý kiến phản đối của bị đơn không có cơ sở.

[7] Căn cứ hợp đồng số 48/2010/PVGAS/DAD-PVC-IC/D2 ngày 27/3/2010, hai bên thỏa thuận tại Điều 5 (điểm b mục 5.1.2): “Đơn giá dự toán do Nhà thầu lập được chủ đầu tư phê duyệt và giảm giá 3%”, thực tế Công ty D đã giảm giá theo đúng thỏa thuận. Ngoài ra, không có văn bản nào thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận về việc phải thực hiện giảm giá 5% giá trị quy định so với dự toán được duyệt. Do đó, bị đơn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn lại của hợp đồng thi công xây dựng số 48/2010/PVGAS/DAD-PVC-IC/D2 ngày 27/3/2010 theo biên bản thanh lý số 185/BB-KVN ngày 14/8/2015.

[8] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn Công ty K có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Công ty PVC-IC số tiền thi công xây dựng còn lại là 9.035.898.810 đồng.

[9] Nguyên đơn Công ty D xin rút yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả theo hợp đồng thi công xây dựng số 48/2010/PVGAS/DAD-PVC-IC/D2 ngày 27/3/2010 và biên bản thanh lý hợp đồng số 185/BB-KVN ngày 14/8/2015 là 4.881.005.114 đồng. Xét đây là sự tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Khoản 3 Điều 317 Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc Công ty K có trách nhiệm thanh toán cho Công ty D số tiền nợ gốc là 9.035.898.810 (Chín tỷ không trăm ba mươi lăm triệu tám trăm chín mươi tám ngàn tám trăm mười) đồng theo hợp đồng thi công xây dựng số 48/2010/PVGAS/DAD-PVC-IC/D2 ngày 27/3/2010 và biên bản thanh lý hợp đồng số 185/BB-KVN ngày 14/8/2015.

Thi hành sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty D đối với Công ty K về việc thanh toán tiền lãi chậm trả số tiền 4.881.005.114 (Bốn tỷ tám trăm tám mươi một triệu không trăm lẻ năm ngàn một trăm mười bốn) đồng.

3. Về án phí:

Công ty K phải chịu án phí là 117.035.899 (Một trăm mười bảy triệu không trăm ba mươi lăm ngàn tám trăm chín mươi chín) đồng.

Hoàn lại cho Công ty D số tiền tạm ứng án phí là 60.958.452 (Sáu mươi triệu chín trăm năm mươi tám ngàn bốn trăm năm mươi hai) đồng theo biên lai thu tiền số 0034928 ngày 24/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục T.H.A.DS huyện Nhà Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Lựu

